TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HS-ST
Ngày 09/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 103/2019/TLST- HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST- HS ngày 23/8/2019, đối với bị cáo:

NGUYỄN L C, sinh ngày 26/12/1981, tại thành phố Tuyên Quang; Nơi cư trú: T 8 , xã A T, thành phố T Q, tỉnh T Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Thấn và bà Đỗ Thị Thử; vợ, con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Ngày 30/6/2004 Tòa phúc thẩm, Toà án nhân dân Tối Cao tại Hà Nội xử phạt 16 năm tù về tội Giết người (chấp hành xong ngày 30/8/2013);

+ Ngày 17/6/2019 Công an thành phố Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 07/6/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Đặng Thị Nhung, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 01, xã Quế Lâm, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trịnh Quang Tập, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 1, xã Quế Lâm, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; Vắng mặt.

+ Anh Lại Hợp Vương, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 5, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang; tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn 8, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang; tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt.

* Người làm chứng: Ông Dương Duy Bắc, sinh năm 1953

Địa chỉ: Tổ 01, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian năm 2018, Nguyễn L C có kết bạn với chị Đặng Thị Nhung qua mạng xã hội Zalo, tài khoản của Châu có tên là "Long Nguyễn", nhà ở Hải Phòng. Còn tài khoản của chị Nhung có tên là "Linh Nhung". Ngày 22/02/2019 Nguyễn L C và chị Đặng Thị Nhung có hẹn gặp nhau tại thành phố Tuyên Quang. Chị Nhung đi đến thành phố Tuyên Quang bằng phương tiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Aiblade, biển kiểm soát 19E-233.99, đăng ký xe mô tô mang tên Trịnh Quang Tập (là chồng chị Nhung).

Sau khi gặp nhau, Châu và chị Nhung đến nhà nghỉ Mạnh Cương của ông Dương Duy Bắc (thuộc tổ 01, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang) thuê phòng nghỉ. Thấy chị Nhung có xe mô tô nên Châu đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị Nhung. Khoảng 9 giờ cùng ngày, Châu nói với chị Nhung là mượn xe mô tô của chị Nhung để đi mua bao cao su, chị Nhung tin là thật nên đã giao xe mô tô nhãn hiệu Honda Aiblade, biển kiểm soát 19E-233.99 cho Châu. Sau khi có xe, Châu đã điều khiển xe mô tô trên đi xuống khu vực km 7, đường Tuyên Quang đi Hà Nội (thuộc xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang), Châu dừng xe và mở cốp xe thì thấy có 01 bộ quần áo mưa, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, 01 chiếc ví da màu đen, trong ví có 01 dây chuyền kim loại màu vàng dạng hạt có gắn mặt dây chuyền hình bông hoa, 01 đôi hoa tai bằng kim loại màu vàng có hình bông hoa đính các hạt đã màu trắng, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Nhung, 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trịnh Quang Tập, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có 1.700.000đồng. Nguyễn L C đã lấy điện thoại, đăng ký xe mô tô và số tiền 1.700.000đồng. Còn dây chuyền, hoa tai Châu nghĩ là đồ trang sức rẻ tiền nên Châu đã vứt vào bụi cây ven đường cùng bộ quần áo mưa, ví và các giấy tờ trong ví. Sau đó Châu điều khiển xe mô tô đi đến km 8, đường Tuyên Quang đi Hà Nội thì gặp Phạm Ngọc Tú đang ngồi ở quán nước ven đường (Châu chỉ biết Tú là người ở tỉnh Hải Dương, Châu quen Tú khi Châu đi làm ở Hải Phòng). Châu đã nhờ Tú bán hộ xe mô tô, Tú đồng ý và đi cùng

Châu bán xe cho anh Nguyễn Văn Hải (trú tại thôn 8, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang), Tú là người trực tiếp giao dịch mua bán chiếc xe mô tô với anh Hải được số tiền 22.000.000đồng (Hai mươi hai triệu đồng). Sau đó Châu đi xe taxi đến cửa hàng điện thoại di động của anh Lại Hợp Vượng trú tại thôn 5, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang bán chiếc điện thoại OPPO F9 cho anh Vương được số tiền 750.000đồng. Toàn bộ số tiền bán xe mô tô, điện thoại và số tiền 1.700.000đồng mà Châu đã chiếm đoạt được của chị Nhung, một mình Châu chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng cuối tháng 4 năm 2019, anh Nguyễn Văn Hải đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông không nhớ tên, tuổi, địa chỉ nên không thu hồi được.

Chiếc điện thoại OPPO F9 mà Châu khai đã bán cho anh Lại Hợp Vương nhưng không có căn cứ xác định anh Vương mua của Châu nên cũng không thu hồi được.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 14/KLĐG ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang kết luận:

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, BKS 19E1-233.99; trị giá 32.000.000đồng (Ba mươi hai triệu đồng);

- Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, trị giá 4.100.000đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng);

- 01 nhẫn vàng 9999 hình tròn, khối lượng 01 chỉ, trị giá 3.706.600đồng (Ba triệu bảy trăm linh sáu nghìn sáu trăm đồng);

- 01 dây chuyền vàng 18k, khối lượng 4 chỉ có gắn 01 mặt dây chuyền vàng 10k không xác định được khối lượng, trị giá 11.610.000đồng (Mười một triệu sáu trăm mười nghìn đồng);

- 01 đôi hoa tai vàng 10k, khối lượng 01 chỉ, có hình bông hoa và đính các hạt đá màu trắng, trị giá 1.806.600đồng (Một triệu tám trăm linh sáu nghìn sáu trăm đồng);

Tổng giá trị của các tài sản là 53.223.200đồng (Năm mươi ba triệu hai trăm hai ba nghìn hai ttrăm đồng).

Trong quá trình điều tra, chị Đặng Thị Nhung khai, khi chị cho Châu mượn xe mô tô, bên trong cốp xe có số tiền khoảng 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) và 01 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ. Cơ quan điều tra đã áp dụng biện pháp điều tra nhưng không đủ căn cứ xác định Châu đã chiếm đoạt số tiền và nhẫn vàng trên.

Như vậy, chỉ có căn cứ xác định Nguyễn L C đã chiếm đoạt tài sản của chị Đặng Thị Nhung có trị giá là 51.216.000đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 105/CT-VKSTP ngày 16 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn L C về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* theo điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên toà, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn L C về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn L C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam từ 07/6/2019.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị Đặng Thị Nhung số tiền 51.216.000đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình. Bị hại Đặng Thị Nhung nhất trí với Luận tội, chị Nhung chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị như Luận tội của Kiểm sát viên, chị Nhung không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo và đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo không khiếu nại, thắc mắc gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn L C khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai: Do bản thân không có tiền tiêu sài và bị cáo là đối tượng sử dụng chất ma tuý nên khi thấy bị hại Đặng Thị Nhung có tài sản bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền ăn tiêu. Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị là 51.216.000đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khẳng định bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Tuyên Quang truy tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 51.216.000đồng là đúng người, đúng tội, không oan. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn L C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội Giết người, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013; bản thân là đối tượng sử dụng chất ma túy và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy bị cáo thể hiện ý thức tu dưỡng rèn luyện kém, nên cần phải áp dụng hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo không có tài sản gì và không có thu nhập, nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trong vụ án này, còn có người đàn ông tên là Phạm Ngọc Tú theo bị cáo khai là người cùng bị cáo đi bán xe mô tô nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh, xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn Hải là người mua xe mô tô do bị cáo lừa đảo của chị Nhung nhưng anh Hải không biết là tài sản do bị cáo thực hiện phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với anh Lại Hợp Vương, không đủ căn cứ xác định là người đã mua chiếc điện thoại của bị cáo nên không đề cập xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị Đặng Thị Nhung yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị tổng số tiền là 51.216.000đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). Ngoài yêu cầu trên, chị Nhung không còn yêu cầu gì khác đối với bị cáo.

Bị cáo nhất trí với yêu cầu bồi thường dân sự của bị hại Đặng Thị Nhung. Xét thấy yêu cầu của chị Nhung là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo bồi thường cho chị Đặng Thị Nhung tổng số tiền là 51.216.000đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn L C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản. Xử phạt bị cáo Nguyễn L C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam 07/6/2019.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn L C bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Đặng Thị Nhung số tiền 51.216.000đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn L C phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.561.000đồng (Hai triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *VKSND thành phố TQuang;*
- *VKSND tỉnh TQuang;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;*
- *Cơ quan THAHS TPTQuang;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang